

THỰC TRẠNG HÀNH VI GÂY HẤN CỦA THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỌC ĐƯỜNG

Bài viết sử dụng số liệu của đề tài: *Nghiên cứu ứng dụng thang đo Tổng quát hành vi CBRS trong nghiên cứu sức khỏe tinh thần học sinh Việt Nam*; Mã số: B2015-17-62; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chủ trì; TS. Nguyễn Thị Nhân Ái làm chủ nhiệm.

TS. Nguyễn Thị Nhân Ái

ThS. Phạm Thị Diệu Thúy

Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

TÓM TẮT

Bài báo phân tích kết quả thu được từ khảo sát thực trạng hành vi gây hấn của thanh thiếu niên trong bối cảnh học đường thuộc 5 tỉnh/thành phố (Hà Nội, Lào Cai, Nghệ An, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh) thông qua việc sử dụng tiêu thang đo Hành vi gây hấn trong thang đo Tổng quát hành vi Conner (CBRS). Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ thanh thiếu niên có nguy cơ về hành vi gây hấn khá cao. Có sự khác nhau về xu hướng và mức độ biểu hiện của hành vi gây hấn xét theo tiêu chí giới tính, độ tuổi và địa bàn nghiên cứu.

Từ khóa: *Hành vi; Hành vi gây hấn; Thanh thiếu niên; Học đường.*

Ngày nhận bài: 13/11/2018; Ngày duyệt đăng bài: 25/12/2018.

1. Mở đầu

Hành vi gây hấn của thanh thiếu niên ngày một gia tăng về số lượng và mức độ nghiêm trọng, là căn nguyên chủ yếu của vấn nạn bắt nạt và bạo lực học đường. Do vậy, bên cạnh vấn đề bắt nạt và bạo lực học đường, hành vi gây hấn thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước.

Trên thế giới, vấn đề hành vi gây hấn được nghiên cứu lồng ghép trong những công trình nghiên cứu về bạo lực học đường. Trong các trường học, mặc dù đã có những quy định cụ thể ngăn cấm hoặc trừng phạt nhưng tình trạng gây hấn của thanh thiếu niên không ngừng gia tăng và báo động cấp quốc gia (Trần Thị Minh Đức, 2011; American Psychological Association and the National Association for the Education of Young Children, 2007; Center for

Business and Economic Research Nevada Kids Count, 2009). Các tác giả cũng bàn luận về các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi gây hấn của thanh thiếu niên trong bối cảnh học đường và đề xuất một số biện pháp hỗ trợ tâm lý cho các em (Center for Business and Economic Research Nevada Kids Count, 2009; Many Contributors, 2009).

Ở Việt Nam, vấn đề hành vi gây hấn cũng được bàn luận trong những nghiên cứu về bắt nạt và bạo lực học đường. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, hành vi gây hấn trong nhà trường phổ thông là hiện tượng khá phổ biến với mức độ ngày càng nghiêm trọng (Hoàng Xuân Dung, 2010; Nguyễn Bá Đạt, 2014; Trần Thị Minh Đức, 2011; Phan Mai Hương, 2009). Hành vi gây hấn, bắt nạt và bạo lực học đường có ở cả nam và nữ học sinh. Các nghiên cứu cũng đề xuất các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu hành vi bắt nạt và bạo lực học đường (Trần Thị Minh Đức, 2011; Phan Mai Hương, 2009). Trong các nghiên cứu này, hành vi gây hấn của thanh thiếu niên trong bối cảnh học đường chưa được nghiên cứu và bàn luận một cách chuyên sâu để từ đó đề xuất biện pháp phòng chống vấn nạn bắt nạt và bạo lực học đường.

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng hành vi gây hấn trên nhóm khách thể thanh thiếu niên độ tuổi 12, 13, 14, 16, 17 tuổi, là học sinh các trường THCS và THPT. Riêng nhóm 15 tuổi (lớp 9 THCS) không được lựa chọn để nghiên cứu bởi các em đang chuẩn bị chuyển cấp (từ bậc THCS sang bậc THPT) và điều đó có thể chi phối tới kết quả nghiên cứu. Trong nghiên cứu này, chúng tôi quan niệm: “*Hành vi gây hấn là hành vi có chủ ý gây tổn hại cho người, vật cho dù có đạt mục đích hay không*”.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bảng 1: Phân bố khách thể nghiên cứu

	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	438	43,0
	Nữ	580	57,0
Độ tuổi	12	219	21,5
	13	202	19,8
	14	182	17,9
	16	222	21,8
	17	193	19,0

Địa bàn	Lào Cai	204	20,04
	Hà Nội	206	20,24
	Nghệ An	201	19,74
	Đà Nẵng	200	19,65
	Thành phố Hồ Chí Minh	207	20,33
Tổng		1.018	100

Nghiên cứu được tiến hành trên nhóm 1.018 học sinh thuộc địa bàn 5 tỉnh/thành phố: Hà Nội, Lào Cai, Nghệ An, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh có chú ý đến sự phân bố theo giới tính, độ tuổi và địa bàn nghiên cứu (bảng 1).

Công cụ được sử dụng là tiểu thang đo Hành vi gây hấn trong thang đo Tổng quát hành vi Conner. Đây là một công cụ đánh giá đa chiều về hành vi của trẻ, có ý nghĩa đối với việc đưa ra những chẩn đoán trị liệu và lựa chọn các biện pháp trợ giúp đối với những vấn đề sức khỏe tâm lý của học sinh. Tiểu thang đo Hành vi gây hấn gồm 31 mệnh đề (item) và được đánh giá theo 4 mức độ: 0 = Hoàn toàn không đúng (không bao giờ/hiếm khi); 1 = Chỉ hơi đúng (thì thoảng); 2 = Khá đúng (khá thường xuyên); 3 = Rất đúng (rất thường xuyên). Tiểu thang đo đã được thích nghi về mặt ngôn ngữ và hiệu chỉnh về nội dung với độ tin cậy toàn thang đo là 0,889; các hệ số tương quan biến - tổng (Corrected Item-Total Correlation) dao động trong khoảng từ 0,304 đến 0,554.

Việc đánh giá mức độ hành vi gây hấn của thanh thiếu niên dựa trên điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) của tổng điểm của tiểu thang đo và của từng item. Trên cơ sở so sánh tổng điểm của từng học sinh với ĐTB và ĐLC của tổng mẫu, chúng tôi nhóm thành 3 nhóm hành vi: (1) Không có rối nhiễu hành vi; (2) Có nguy cơ rối nhiễu hành vi; (3) Có rối nhiễu hành vi. Riêng đối với hai nhóm “Có nguy cơ rối nhiễu hành vi” và “Có rối nhiễu hành vi”, chúng tôi dựa vào mức độ cao hoặc thấp của điểm số để phân thành nhóm nhỏ hơn. Cụ thể như sau:

Không có rối nhiễu hành vi: Tổng điểm của học sinh < ĐTB của tổng mẫu - 1 ĐLC (tổng điểm từ 0 - 3 điểm).

Có nguy cơ rối nhiễu hành vi: Tổng điểm của học sinh nằm trong khoảng ĐTB của tổng mẫu \pm 1 ĐLC.

+ Nguy cơ rối nhiễu mức thấp (tổng điểm từ 4 - 12 điểm).

+ Nguy cơ rối nhiễu mức cao (tổng điểm từ 12 - 23 điểm).

Có rối nhiễu hành vi: Tổng điểm của học sinh > ĐTB của tổng mẫu + 1 ĐLC.

+ Rối nhiễu hành vi mức thấp (tổng điểm từ 24 - 58 điểm).

+ Rối nhiễu hành vi mức cao (tổng điểm từ 59 - 93 điểm).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng hành vi gây hấn của thanh thiếu niên Việt Nam trong bối cảnh học đường

3.1.1. Đánh giá chung về hành vi gây hấn

Số liệu bảng 2 cho thấy, có một tỷ lệ đáng kể thanh thiếu niên có biểu hiện rối nhiễu hành vi gây hấn chiếm tỷ lệ 14,1% (13,9% rối nhiễu thấp và 0,2% rối nhiễu cao).

Bảng 2: Thực trạng hành vi gây hấn của thanh thiếu niên Việt Nam

Số lượng và %	Không rối nhiễu	Nguy cơ			Rối nhiễu		
		Thấp	Cao	Tổng	Thấp	Cao	Tổng
Số lượng	141	450	283	733	142	2	144
%	13,9	44,2	27,8	72,0	13,9	0,2	14,1

Điều đáng lưu ý là tỷ lệ học sinh có nguy cơ rối nhiễu hành vi gây hấn khá cao chiếm tỷ lệ 72%. Trong đó:

(1) Nhóm học sinh có nguy cơ rối nhiễu mức cao là 27,8%. Đây là những học sinh có tổng điểm từ 12 - 23 điểm, nhóm học sinh ở mức ranh giới giữa nguy cơ rối nhiễu mức độ cao và rối nhiễu hành vi mức thấp.

(2) Nhóm học sinh có nguy cơ rối nhiễu mức thấp là 44,2%. Đây là những học sinh có tổng điểm từ 4 - 12 điểm, nhóm học sinh ở mức ranh giới giữa không rối nhiễu và nguy cơ rối nhiễu mức thấp (13,9%).

Có sự khác biệt giữa kết quả nghiên cứu của chúng tôi với kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Thị Minh Đức (2010), Nguyễn Bá Đạt (2014). Kết quả của các nghiên cứu này đều cho thấy tỷ lệ học sinh gây hấn khá cao. Công trình nghiên cứu của tác giả Trần Thị Minh Đức và cộng sự trên 771 học sinh THPT (Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Bình) cho thấy, có 4,5% số học sinh gây hấn thường xuyên, 95,3% số học sinh thỉnh thoảng có gây hấn, chỉ có 0,1% số học sinh không bao giờ gây hấn. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Bá Đạt trên 356 học sinh THPT tại Hà Nội, Vĩnh Phúc, Nghệ An cho thấy, 88,6% số học sinh có hành vi bạo lực với bạn, 91,5% số học sinh nam thuộc mẫu khảo sát có hành

vì bạo lực với bạn ít nhất một lần; 86,9% số học sinh nữ có hành vi bạo lực với bạn ít nhất một lần trong vòng 6 tháng.

Điểm khác biệt cơ bản trong nghiên cứu này so với các nghiên cứu trước đây chính là công cụ được sử dụng có thể nhận diện được học sinh thuộc nhóm có nguy cơ rối nhiễu mức thấp và nhóm nguy cơ rối nhiễu mức cao. Việc nhận diện nhóm học sinh này có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi trên cơ sở nhận diện học sinh thuộc các nhóm nguy cơ rối nhiễu mức thấp hay mức cao sẽ giúp chuyên viên tâm lý học đường, giáo viên và các nhà trường hoạch định chiến lược phòng ngừa và can thiệp kịp thời nhằm hạn chế sự gia tăng của những học sinh ở mức ranh giới giữa nguy cơ rối nhiễu cao và rối nhiễu hành vi.

3.1.2. Những biểu hiện cụ thể của hành vi gây hấn

Số liệu bảng 3 cho thấy, biểu hiện hành vi gây hấn của thanh thiếu niên trong bối cảnh học đường khá đa dạng và xuất hiện ở nhiều mức độ khác nhau. ĐTB của các biểu hiện hành vi gây hấn dao động từ 0,13 đến 0,97, tương ứng với tần suất xảy ra từ “không bao giờ” đến “thỉnh thoảng”.

Bảng 3: Thực trạng biểu hiện hành vi gây hấn của thanh thiếu niên Việt Nam

Nội dung	ĐTB	Không bao giờ		Thỉnh thoảng		Khá thường xuyên		Rất thường xuyên	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Mọi người nói tôi bạo lực.	0,39	724	71,1	222	21,8	46	4,5	26	2,6
Tôi đe dọa, bắt nạt người khác.	0,27	787	77,3	197	19,4	24	2,3	10	1,0
Khi tôi tức giận với ai, tôi “ăn thua” với họ luôn (cãi lại, đánh lại. .).	0,97	337	33,1	456	44,8	147	14,4	78	7,7
Khi cần, tôi biết chỗ kiếm một thứ vũ khí nguy hiểm nào đó (dao, côn, kiếm, ...).	0,38	777	76,3	138	13,6	61	6,0	42	4,1
Tôi thích đe dọa người khác.	0,33	774	76,0	175	17,2	45	4,4	24	2,4
Tôi lấy trộm những thứ có giá trị khi không có ai nhìn thấy.	0,15	899	88,3	93	9,1	16	1,6	10	1,0

Tôi phá hỏng đồ của người khác.	0,60	543	53,3	376	36,9	66	6,6	33	3,2
Tôi mang theo vũ khí (gậy, gạch, mảnh kính vỡ, dao hoặc kiếm...).	0,15	912	89,6	66	6,5	29	2,8	11	1,1
Tôi thích gây cháy.	0,17	895	87,9	84	8,3	25	2,4	14	1,4
Tôi bỏ nhà đi.	0,14	917	90,1	70	6,9	22	2,1	9	0,9
Tôi hay bỏ tiết, trốn học.	0,14	905	88,9	88	8,6	18	1,8	7	0,7
Tôi làm những trò nguy hiểm.	0,30	799	78,5	155	15,2	46	4,5	18	1,8
Khi tức giận, tôi quăng ném hoặc đập phá đồ vật.	0,68	552	54,2	296	29,1	112	11,0	58	5,7
Tôi từng lập kế hoạch làm tổn thương người khác.	0,39	741	72,8	187	18,4	59	5,8	31	3,0
Tôi chủ động đánh nhau với người khác.	0,18	882	86,6	99	9,7	27	2,7	10	1,0
Tôi đổ lỗi cho người khác về những việc tôi làm sai.	0,49	607	59,6	342	33,6	48	4,7	21	2,1
Tôi thấy thích thú khi biến người khác thành trò cười.	0,39	716	70,3	226	22,2	54	5,3	22	2,2
Tôi nói dối để khỏi phải làm một việc gì đó hoặc có được một thứ gì đó.	0,88	359	35,1	469	46,1	145	14,2	47	4,6
Tôi đối xử tàn nhẫn với các con vật.	0,26	807	79,3	168	16,5	36	3,5	7	0,7
Tôi không quan tâm liệu mình có xúc phạm, làm tổn thương người khác hay không, miễn là có được thứ mình cần.	0,46	695	68,3	215	21,1	71	7,0	37	3,6
Khi tức giận ai đó, tôi lao vào đánh họ.	0,37	746	73,3	192	18,9	54	5,2	26	2,6
Tôi cố tình chọc giận người khác.	0,50	620	60,9	312	30,6	65	6,4	21	2,1

Tôi cảm thấy mình được bảo vệ tốt hơn khi là thành viên của một băng nhóm nào đó.	0,48	689	67,7	221	20,7	74	7,3	44	4,3
Tôi làm những việc khiến người khác tổn thương.	0,56	576	56,6	340	33,4	74	7,2	28	2,8
Tôi thích “ngồi lê, buôn chuyện”.	0,94	407	40,0	367	36,1	143	14,0	101	9,9
Mọi người làm tôi tức giận đến mức mất tự chủ.	0,59	600	59,0	279	27,4	94	9,2	45	4,4
Tôi đi chơi vào ban đêm ngay cả khi không được phép.	0,31	805	79,1	138	13,6	45	4,4	30	2,9
Tôi gọi mọi người bằng những biệt hiệu có ý chế giễu.	0,49	635	62,4	292	28,6	64	6,3	27	2,7
Tôi làm những việc mình thích mà không quan tâm đến những gì tôi tệ có thể xảy ra sau đó.	0,53	622	61,1	283	27,8	80	7,9	33	3,2
Tôi dùng vũ khí (gậy, gạch, mảnh kính vỡ, dao hoặc kiếm...) để dọa hoặc làm tổn thương mọi người.	0,13	925	90,9	59	5,8	30	2,9	4	0,4
Tôi “ăn thua” với mọi người.	0,54	608	59,7	307	30,2	71	7,0	32	3,1

Trong đó, ba biểu hiện được học sinh đánh giá xuất hiện nhiều nhất (ĐTB dao động 0,88 đến 0,97) là: (1) Biểu hiện “Khi tôi tức giận với ai, tôi “ăn thua” với họ luôn (cãi lại, đánh lại....)” có ĐTB là 0,97; 44,8% số học sinh ở mức thỉnh thoảng, 14,4% số học sinh ở mức khá thường xuyên và 7,7% số học sinh ở mức rất thường xuyên. (2) Biểu hiện “Tôi nói dối để khỏi phải làm một việc gì đó hoặc có được một thứ gì đó” có ĐTB là 0,94; 36,1% số học sinh ở mức thỉnh thoảng, 14,0% số học sinh ở mức khá thường xuyên và 9,9% số học sinh ở mức rất thường xuyên. (3) Biểu hiện “Tôi thích “ngồi lê, buôn chuyện”” có ĐTB là 0,88, 46,1% số học sinh ở mức thỉnh thoảng, 14,2% số học sinh ở mức khá thường xuyên và 4,6% số học sinh ở mức rất thường xuyên.

Các biểu hiện khác ít xuất hiện hơn (11 biểu hiện với ĐTB dao động từ 0,46 đến 0,68) gồm: bị người khác làm tức giận đến mức mất tự chủ; quăng

ném hoặc đập phá đồ vật khi tức giận; phá hỏng đồ của người khác; gọi mọi người bằng những biệt hiệu có ý chế giễu; đổ lỗi cho người khác về những việc mình làm sai; cố tình chọc giận người khác; “ăn thua” với mọi người; cảm thấy mình được bảo vệ tốt hơn khi là thành viên của một băng nhóm nào đó; làm những việc mình thích mà không quan tâm đến những gì tồi tệ có thể xảy ra sau đó; không quan tâm liệu mình có xúc phạm, làm tổn thương người khác hay không, miễn là có được thứ mình cần; làm những việc khiến người khác tổn thương.

Như vậy, có thể thấy, hành vi gây hấn của học sinh tập chủ yếu tập trung ở nhóm hành vi tấn công và làm tổn hại đến người khác nhưng chủ yếu là hành vi tấn công bằng lời nói, hành vi mang tính chất bị động hoặc hành vi phá hoại đồ đạc.

Những biểu hiện hành vi tấn công mang tính chất chủ động (lập kế hoạch làm tổn thương người khác; chủ động đánh nhau với người khác; lao vào đánh nhau khi tức giận; đe dọa, bắt nạt...), những hành vi nguy hiểm hoặc tiềm ẩn sự nguy hiểm đối với người khác (dùng vũ khí đe dọa hoặc làm tổn thương mọi người; mang theo vũ khí; làm những trò nguy hiểm; thích gây cháy...), những hành vi lệch lạc khác (bỏ nhà; bỏ tiết, trốn học; đi chơi ban đêm khi không được phép; thấy vui khi biến người khác thành trò cười; đối xử tàn nhẫn với các con vật; thích đe dọa người khác; lấy trộm...) ít xuất hiện với ĐTB dao động trong khoảng từ 0,13 đến 0,39. Tuy nhiên, vẫn còn số lượng đáng kể học sinh (dao động trong khoảng từ 2,9% đến 7,9%) có những biểu hiện này ở mức rất thường xuyên và khá thường xuyên. Đây là những số liệu rất cần lưu tâm trong công tác phát hiện, sàng lọc và phòng ngừa các vấn đề tâm lý của học sinh bởi tính nghiêm trọng của vấn đề.

3.2. So sánh hành vi gây hấn ở các nhóm học sinh khác nhau

3.2.1. Xét theo giới tính

Bảng 4: Thực trạng hành vi gây hấn xét theo giới tính

Giới tính	Số lượng và tỷ lệ %	Không rối nhiễu	Nguy cơ			Rối nhiễu		
			Thấp	Cao	Tổng	Thấp	Cao	Tổng
Nam	Số lượng	58	168	127	295	83	2	85
	%	13,2	38,4	29,0	67,4	18,9	0,5	19,4
Nữ	Số lượng	83	279	140	419	78	0	78
	%	14,3	48,1	24,1	72,2	13,4	0,0	13,4

Hành vi gây hấn diễn ra ở cả nam và nữ học sinh với các mức độ khác nhau. Nữ học sinh không có rối nhiễu và có nguy cơ rối nhiễu thấp chiếm tỷ lệ cao hơn so với nam học sinh; ngược lại, nam học sinh có nguy cơ rối nhiễu cao, rối nhiễu thấp và rối nhiễu cao chiếm tỷ lệ cao hơn so với nữ học sinh (bảng 4). Mặc dù chênh lệch tỷ lệ không nhiều song số liệu cho thấy dường như nam học sinh có nguy cơ rối nhiễu cao hơn và mắc rối nhiễu nhiều hơn so với nữ học sinh.

Kết quả kiểm định T-test so sánh hai mẫu độc lập cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình của toàn thang đo, cũng như của các biểu hiện hành vi giữa nam học sinh và nữ học sinh. Điểm trung bình của tiểu thang đo Hành vi gây hấn của nhóm nam học sinh cao hơn nữ học sinh (ĐTB lần lượt là 14,44 và 12,21 với $p = 0,001$). Trong các biểu hiện có sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê giữa nam học sinh và nữ học sinh, duy nhất ở biểu hiện thích “ngồi lê, buồn chuyện” nữ học sinh có ĐTB cao hơn nam học sinh; 14 biểu hiện còn lại nam học sinh có ĐTB cao hơn nữ học sinh. Đó là các biểu hiện: (1) đe dọa hoặc bắt nạt người khác; (2) biết chỗ kiếm một thứ vũ khí nguy hiểm nào đó (dao, côn, kiếm,...); (3) lấy trộm những thứ có giá trị khi không có ai nhìn thấy; (4) phá hỏng đồ của người khác; (5) thích gây chầy; (6) làm những trò nguy hiểm; (7) chủ động đánh nhau với người khác; (8) đổ lỗi cho người khác về những việc tồi làm sai; (9) thích thú khi biến người khác thành trò cười; (10) khi tức giận ai đó thì lao vào đánh họ; (11) cô tình chọc giận người khác; (12) đi chơi vào ban đêm ngay cả khi không được phép; (13) gọi mọi người bằng những biệt hiệu có ý chế giễu; (14) dùng vũ khí (gậy, gạch, mảnh kính vỡ, dao hoặc kiếm...) để dọa hoặc làm tổn thương mọi người.

Kết quả này cho thấy, có sự tương đồng trong nghiên cứu của chúng tôi với nghiên cứu của Trần Thị Minh Đức, Hoàng Xuân Dung (2010), Nguyễn Bá Đạt (2014) khi các tác giả đều cho rằng, nam học sinh có xu hướng gây hấn/bạo lực nhiều hơn nữ học sinh.

3.2.2 Xét theo độ tuổi

Hành vi gây hấn diễn ra ở mọi độ tuổi (từ 12 đến 17 tuổi) với các mức độ khác nhau (bảng 5). Tỷ lệ học sinh không có rối nhiễu ở độ tuổi 12 là cao nhất, tiếp đến là ở độ tuổi 16 và tỷ lệ này thấp nhất là ở độ tuổi 17. Ngược lại, tỷ lệ học sinh có rối nhiễu ở độ tuổi 16 là thấp nhất, tiếp đến là ở độ tuổi 12 và tỷ lệ này cao nhất ở độ tuổi 17. Có thể nói rằng, trong mẫu chọn này, học sinh ở độ tuổi 17 có mức độ gây hấn cao nhất.

Điều này tiếp tục được khẳng định khi chúng tôi sử dụng so sánh ĐTB của tiểu thang đo Hành vi gây hấn theo tiêu chí tuổi. Kiểm định t-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ĐTB của tiểu thang đo Hành vi gây hấn

giữa nhóm 12 tuổi và nhóm 17 tuổi: ĐTB của nhóm 17 tuổi cao hơn nhóm 12 tuổi (ĐTB lần lượt là 14,92 và 11,97 với $p = 0,001$).

Bảng 5: Thực trạng hành vi gây hấn xét theo độ tuổi

Tuổi	Số lượng và %	Không rối nhiễu	Nguy cơ			Rối nhiễu		
			Thấp	Cao	Tổng	Thấp	Cao	Tổng
12	Số lượng	38	97	57	154	27	0	27
	%	17,4	44,3	26,0	70,3	12,3	0,0	12,3
13	Số lượng	27	86	60	146	29	0	29
	%	13,4	42,6	29,7	72,3	14,4	0,0	14,4
14	Số lượng	24	74	57	131	26	1	37
	%	13,2	40,7	31,3	72,0	14,3	0,5	14,8
16	Số lượng	31	106	61	167	24	0	24
	%	14,0	47,7	27,5	75,2	10,8	0,0	10,2
17	Số lượng	21	87	48	135	36	1	37
	%	10,9	45,1	24,9	70,0	18,7	0,5	19,2

Một số biểu hiện hành vi có sự khác biệt giữa các nhóm tuổi, đặc biệt là giữa nhóm tuổi 17 và các nhóm tuổi còn lại. Cụ thể là:

(1) Nhóm học sinh 17 tuổi có nhiều biểu hiện ở tần suất thường xuyên hơn các nhóm tuổi ít hơn như: bỏ nhà đi (ĐTB cao hơn nhóm 16, 13 và 12 tuổi: $0,27 > 0,13 > 0,12 > 0,10$); bỏ tiết, trốn học (ĐTB cao hơn nhóm tuổi 16, 13 và 12: $0,26 > 0,18 > 0,09 > 0,05$); quăng ném hoặc đập phá đồ vật khi tức giận; nói dối để khỏi phải làm một việc gì đó hoặc có được một thứ gì đó (ĐTB cao hơn nhóm tuổi 12); thích “ngồi lê, buôn chuyện” (ĐTB cao hơn nhóm tuổi 16, 14 và 12: $1,18 > 1,01 > 0,88 > 0,73$); đi chơi vào ban đêm ngay cả khi không được phép (ĐTB cao hơn nhóm tuổi 16, 14, 13, 12: $0,56 > 0,33 > 0,27 > 0,22 > 0,19$); làm những việc mình thích mà không quan tâm đến những gì tồi tệ có thể xảy ra sau đó (ĐTB cao hơn nhóm tuổi 14 và nhóm tuổi 12: $0,65 > 0,63 > 0,38$); dùng vũ khí (gậy, gạch, mảnh kính vỡ, dao hoặc kiếm...) để dọa hoặc làm tổn thương mọi người (ĐTB cao hơn nhóm tuổi 16 và nhóm tuổi 13: $0,22 > 0,08$).

(2) Nhóm 13 tuổi: Biểu hiện đe dọa hoặc bắt nạt người khác có ĐTB cao hơn nhóm 16 tuổi ($0,35 > 0,16$); biểu hiện “ăn thua” với ai đó (cãi lại, đánh lại...) khi tức giận có ĐTB cao hơn nhóm 14 tuổi và nhóm 16 tuổi ($1,16 > 0,91 > 0,89$).

(3) Ở nhóm 12 tuổi: Biểu hiện đe dọa hoặc bắt nạt người khác có ĐTB cao hơn nhóm 17 và nhóm 16 tuổi ($0,36 > 0,20 > 0,16$); Biểu hiện phá hỏng đồ của người khác có ĐTB cao hơn nhóm 16 tuổi ($0,70 > 0,47$).

3.2.3. Xét theo địa bàn nghiên cứu

Hành vi gây hấn ở học sinh có một số khác biệt theo địa bàn nghiên cứu (bảng 6). Mặc dù, thành phố Hồ Chí Minh cùng với Đà Nẵng là hai địa bàn có tỷ lệ học sinh không rối nhiễu thấp nhất (chiếm 10,1%), đồng thời tỷ lệ học sinh có rối nhiễu ở thành phố Hồ Chí Minh là cao nhất (chiếm 29%). Trong khi đó, Nghệ An là tỉnh có tỷ lệ học sinh không rối nhiễu là cao nhất (chiếm 18,4%) và tỷ lệ học sinh có rối nhiễu là thấp nhất (chiếm 6,5%).

Bảng 6: Thực trạng hành vi gây hấn xét theo địa bàn nghiên cứu

Địa bàn nghiên cứu	Số lượng và %	Không rối nhiễu	Nguy cơ			Rối nhiễu		
			Thấp	Cao	Tổng	Thấp	Cao	Tổng
Lào Cai	Số lượng	33	87	59	146	25	0	25
	%	16,2	42,6	28,9	71,5	12,3	0,0	12,3
Hà Nội	Số lượng	30	91	62	153	23	0	23
	%	14,6	44,2	30,1	74,3	11,2	0,0	11,2
Nghệ An	Số lượng	37	103	48	151	12	1	13
	%	18,4	51,2	23,9	75,1	6,0	0,5	6,5
Đà Nẵng	Số lượng	20	97	60	157	23	0	23
	%	10,0	48,5	30,0	78,5	11,5	0,0	11,5
Thành phố Hồ Chí Minh	Số lượng	21	72	54	126	59	1	60
	%	10,1	34,8	26,1	60,9	28,5	0,5	29,0

Tương tự, kiểm định t-test cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình của tiêu thang đo Hành vi gây hấn giữa học sinh các tỉnh trong mẫu nghiên cứu: ĐTB của học sinh thành phố Hồ Chí Minh cao hơn so với các tỉnh Lào Cai, Hà Nội, Nghệ An, Đà Nẵng (ĐTB lần lượt là 17,44 và 12,44; 12,65; 10,64; 12,56 với $p = 0,001$); trong đó học sinh ở Nghệ An có

ĐTB thấp nhất. Một số biểu hiện hành vi gây hấn cũng có sự khác biệt giữa các địa bàn nghiên cứu, đặc biệt là giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh còn lại. Cụ thể là:

Học sinh ở thành phố Hồ Chí Minh có nhiều biểu hiện gây hấn ở mức độ thường xuyên hơn học sinh ở các tỉnh thành khác. Chẳng hạn: ĐTB của biểu hiện từng lập kế hoạch làm tổn thương người khác; bỏ tiết, trốn học của học sinh thành phố Hồ Chí Minh là cao nhất (0,64 so với 0,33 ở Hà Nội; 0,28 ở Lào Cai; 0,31 ở Nghệ An; 0,38 ở Đà Nẵng và 0,29 so với 0,16 ở Hà Nội; 0,11 ở Lào Cai; 0,05 ở Nghệ An; 0,09 ở Đà Nẵng). ĐTB của biểu hiện bị người khác nói là bạo lực của học sinh ở thành phố Hồ Chí Minh cao hơn học sinh ở các tỉnh Lào Cai, Hà Nội, Nghệ An (ĐTB lần lượt là: 0,55; 0,33; 0,34; 0,32). Biểu hiện làm những trò nguy hiểm; lấy trộm những thứ có giá trị khi không có ai nhìn thấy của học sinh thành phố Hồ Chí Minh cũng có ĐTB cao hơn so với học sinh ở Hà Nội, Nghệ An, Đà Nẵng (0,44 và 0,27 so với 0,22 và 0,11 ở Hà Nội; 0,21 và 0,09; 0,25 ở Nghệ An và 0,13 ở Đà Nẵng). Ở học sinh thành phố Hồ Chí Minh, biểu hiện “đổi xử tàn nhẫn với các con vật” có ĐTB cao hơn học sinh ở Nghệ An, Đà Nẵng, Hà Nội (ĐTB lần lượt là: 0,38; 0,22; 0,21; 0,20); biểu hiện nói dối để khỏi phải làm một việc gì đó hoặc có được một thứ gì đó” cao hơn Lào Cai, Nghệ An, Đà Nẵng (ĐTB lần lượt là: 1,18; 0,68; 0,68; 0,89)...

Nhìn chung, mức độ thực hiện hành vi gây hấn của học sinh thành phố Hồ Chí Minh cao hơn so với học sinh ở các tỉnh còn lại.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu ứng dụng tiêu thang đo Hành vi gây hấn trên nhóm khách thể 1.018 thanh thiếu niên trong bối cảnh học đường thuộc 5 tỉnh/thành phố (Hà Nội, Lào Cai, Nghệ An, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh) cho thấy, tỷ lệ thanh thiếu niên có nguy cơ hành vi gây hấn khá cao, số học sinh có biểu hiện rối nhiễu hành vi gây hấn đáng báo động (13,9% rối nhiễu thấp và 0,2% rối nhiễu cao). Hành vi gây hấn diễn ra ở cả nam học sinh, nữ học sinh với mọi độ tuổi và trên cả 5 địa bàn nghiên cứu. Nam học sinh có nguy cơ hành vi gây hấn và rối nhiễu hành vi gây hấn nhiều hơn nữ học sinh. Độ tuổi 17 có tỷ lệ nguy cơ hành vi gây hấn và rối nhiễu hành vi gây hấn cao hơn học sinh độ tuổi 12.

Tài liệu tham khảo

1. American Psychological Association and the National Association for the Education of Young Children (2007). *Understanding Child Development as a Violence Prevention Tool*. American Psychological Association. Washington.
2. Center for Business and Economic Research Nevada Kids Count (2009). *School Violence and the Risk Factors*. America.

3. Hoàng Xuân Dung (2010). *Khác biệt về giới trong hành vi gây hấn của học sinh THPT*. Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới. Số 3. Tr. 68 - 77.
4. Nguyễn Bá Đạt (2014). *Phân tích đặc điểm tâm lý xã hội của học sinh có hành vi bạo lực học đường*. Kỳ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Sức khỏe tâm thần trong trường học”. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Thị Minh Đức (2011). *Hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Trần Thị Minh Đức (2011). *Gây hấn học đường ở học sinh THPT*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Phan Mai Hương (2009). *Thực trạng bạo lực học đường hiện nay*. Kỳ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế. Hà Nội.
8. Many Contributors (2009). *Social behavior and skills in children*. Springer Science - Business Media, LLC.